

Phụ lục I-2014
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2014
(Kèm theo Công văn số 4335 /UBND-KTTH ngày 30 / 7 /2020 của UBND tỉnh Quảng Nam)
(Số liệu đến ngày 30/6/2020)

Đvt: đồng.

TT	Đơn vị	Nội dung	Số tiền KTNN kiến nghị	Số đã thực hiện	Số còn lại tiếp tục thực hiện	So sánh TH/KN (%)	Ghi chú - Nguyên nhân chưa thực hiện
PHẦN I. KIẾN NGHỊ VỀ XỬ LÝ TÀI CHÍNH			133.510.305.769	130.856.510.837	2.653.794.932	98%	
A	CÁC KHOẢN TĂNG THU		2.429.015.255	2.429.015.255	0	100%	
I	Cục thuế tỉnh		2.372.006.057	2.372.006.057	0	100%	
II	Cục Hải quan		57.009.198	57.009.198	0	100%	
B	CÁC KHOẢN THU HỒI VÀ GIẢM CHI NSNN		131.081.290.514	128.427.495.582	2.653.794.932	98%	
I	Thu hồi, nộp NS các khoản chi sai quy định		428.275.790	428.275.790	0	100%	
1	Kinh phí thường xuyên						
2	Vốn XDCCB		428.275.790	428.275.790	0	100%	
a)	Các đơn vị dự toán cấp tỉnh		151.036.302	151.036.302	0	100%	
	- BQL DA CTGT tỉnh	Dự án cầu Tứ Câu-tuyến ĐT603 số tiền 78.069.693 đ; Dự án cầu Gò Nổi -Km1+800, tuyến ĐT610B số tiền 72.966.609đ	151.036.302	151.036.302	0	100%	
b)	Các huyện, thành phố, thị xã						
c)	Các Ban quản lý dự án		277.239.488	277.239.488	0	100%	
	- BQL DA ĐTXD huyện Đại Lộc	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến GT từ ngã ba Đại Phong - QL 14B số tiền 17.025.796đ; Dự án kè chống sạt lở bờ sông Quảng Huế - đoạn từ thôn Phước Yên đến thôn 4 xã Đại An số tiền 260.213.691đ	277.239.488	277.239.488	0	100%	
II	Thu hồi, nộp trả NS cấp trên kinh phí thừa		13.779.175.012	13.779.175.012	0	100%	
1	Các đơn vị dự toán cấp tỉnh		12.886.900.000	12.886.900.000	0	100%	
	- Sở Tài chính	Kinh phí chương trình 135 (giai đoạn II)	12.886.900.000	12.886.900.000	0	100%	
2	Các huyện, thành phố, thị xã		892.275.012	892.275.012	0	100%	
	- Huyện Phước Sơn	Kinh phí chương trình 135 (giai đoạn II)	275.800.000	275.800.000	0	100%	
	- Huyện Nam Giang		616.475.012	616.475.012	0	100%	
		Nộp trả kinh phí thừa (kinh phí CTMTQG hết nhiệm vụ chỉ, chuyển nguồn qua nhiều năm)	298.860.000	298.860.000	0	100%	
		Kinh phí khoán bảo vệ và khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên năm 2013 đã quyết toán nhưng còn thừa	317.615.012	317.615.012	0	100%	
III	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau		53.953.087.544	53.333.700.612	619.386.932	99%	
1	Kinh phí thường xuyên		49.984.420.000	49.984.420.000	0	100%	
a)	Các cơ quan tổng hợp		47.832.300.000	47.832.300.000	0	100%	
	Sở Tài chính		47.832.300.000	47.832.300.000	0	100%	
		- Kinh phí trợ giá chính sách (Bảo QN)	914.300.000	914.300.000	0	100%	

TT	Đơn vị	Nội dung	Số tiền KTNN kiến nghị	Số đã thực hiện	Số còn lại tiếp tục thực hiện	So sánh TH/KN (%)	Ghi chú - Nguyên nhân chưa thực hiện
		- Giảm cấp phát năm sau số BSMT của TW (Chi trả CĐ cho trẻ mầm non 3,4,5 tuổi số tiền 4.676 tr.đ; chi hỗ trợ theo QĐ 12/2013/QĐ-TTg 5.075 tr.đ; Học bổng cho học sinh dân tộc nội trú, bán trú QĐ 85/TTg 32.728 tr.đ; đóng BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi 4.439 tr.đ)	46.918.000.000	46.918.000.000	0	100%	
b)	Các huyện, thành phố, thị xã		2.152.120.000	2.152.120.000	0	100%	
	- Thị xã Điện Bàn	Giảm số bổ sung có mục tiêu cho địa phương đối với kinh phí của cấp trên cấp bổ sung, còn thừa và cấp xã chưa báo cáo	1.771.000.000	1.771.000.000	0	100%	
	- Huyện Nam Giang		381.120.000	381.120.000	0	100%	
		- Kinh phí thực hiện tuyên truyền giám sát định canh, định cư đã quyết toán từ nhiều năm trước còn thừa nguồn chưa xử lý nộp trả do huyện đã sử dụng nguồn này cho nhiệm vụ khác của huyện	15.120.000	15.120.000		100%	
		- CT Dạy nghề việc làm còn thừa	366.000.000	366.000.000		100%	
2	Vốn XDCB		3.968.667.544	3.349.280.612	619.386.932	84%	
	- BQL DA CTGT tỉnh	Dự án cầu Tứ Câu-tuyến ĐT603; Dự án cầu Gò Nổi - Km1+800, tuyến ĐT610B	277.471.016	277.471.016	0	100%	
	- BQL DA ĐTXD tỉnh	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT609; Dự án Xây dựng đường giao thông ĐT 611, lý trình Km29+00-Km37+603,51	2.569.535.435	2.569.535.435	0	100%	
	- BQL huyện Tiên Phước	Dự án Sân vận động huyện 93.061.639đ; Dự án kè chống sạt lở Sông Tiên (đoạn qua TT Tiên Kỳ) 619.386.932đ	712.448.571	93.061.639	619.386.932	13%	
	- BQL huyện Đại Lộc	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến GT từ ngã ba Đại Phong - QL 14B; Dự án kè chống sạt lở bờ sông Quảng Huế - đoạn từ thôn Phước Yên đến thôn 4 xã Đại An	91.032.817	91.032.817	0	100%	
	- BQL TP Hội An	Dự án Kết cấu hạ tầng Khu dân cư Trảng Kèo	318.179.705	318.179.705	0	100%	
IV	Giảm giá trị trúng thầu (hợp đồng)		2.339.752.168	305.344.168	2.034.408.000	13%	
	- BQL các DA ĐT&XD huyện Tiên Phước	Dự án kè chống sạt lở Sông Tiên (đoạn qua TT Tiên Kỳ)	2.034.408.000		2.034.408.000	0%	
	- BQL các DA ĐT&XD huyện Đại Lộc	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến GT từ ngã ba Đại Phong - QL 14B; Dự án kè chống sạt lở bờ sông Quảng Huế - đoạn từ thôn Phước Yên đến thôn 4 xã Đại An	42.148.448	42.148.448	0	100%	
	- BQL các DA ĐT&XD thành phố Hội An	Dự án Kết cấu hạ tầng Khu dân cư Trảng Kèo	263.195.720	263.195.720	0	100%	
V	Kiến nghị xử lý tài chính khác		60.581.000.000	60.581.000.000	0	100%	
	Sở Tài chính	Bổ trí nguồn hoàn trả nhiệm vụ khoa học do bố trí để sửa chữa nhà làm việc của Sở KHCN	350.000.000	350.000.000	0	100%	
	Cục thuế tỉnh	Xử lý nợ đọng phát hiện tăng thêm (tiền SDD)	60.231.000.000	60.231.000.000	0	100%	